

NGUYỄN CƯ TRINH VÀ VÙNG ĐẤT NAM BỘ THẾ KỶ XVIII

NGUYỄN MẠNH DŨNG*

Quá trình phân tranh, cát cứ Nam - Bắc triều, Đàng Ngoài - Đàng Trong là một hiện tượng độc đáo trong lịch sử phong kiến Việt Nam và khu vực Đông Á. Lần đầu tiên một mô thức "khác Trung Hoa" (*Alternative China*) đã hiện diện và tồn tại ở một không gian rộng lớn và lâu dài trong lịch sử Việt Nam.

Được giao trấn thủ phương Nam, trong thời gian đầu, họ Nguyễn đã thực thi khá thành công các vấn đề đối nội và đối ngoại, đặc biệt đã củng cố chính quyền và dần vươn lên thành một vương quốc mạnh ở khu vực. Lần đầu tiên nhu cầu phát triển đã hiện thực hóa, phù hợp với đặc điểm và xu hướng của thời đại. Từ một "cơ thể phân bào" - Đàng Trong là vùng đất của những con người mới, trong một không gian xã hội và thời đoạn lịch sử mới. Đất và người nơi đây cho thấy một chuẩn hệ hành xử mang tính chất khai phá, tuy trong một dị bản mô hình cũ.

Tuy vậy, trong bối cảnh từ cuối thế kỷ XVII, Đàng Trong đã và sẽ phải đối diện với nhiều thách thức "phi truyền thống". Quá trình mở rộng về phương Nam đòi hỏi chính quyền trung tâm và quần thần của họ Nguyễn - Chúa Nguyễn phải có chiến

lược để vừa duy trì sự tồn tại, vừa phát triển, quản lý và xác lập chủ quyền quản lý trên những vùng đất mới.

1. Vùng đất Nam Bộ cho tới thế kỷ XVII

Theo các nguồn thư tịch cổ, vùng đất Nam Bộ trong khoảng 10 thế kỷ trước thế kỷ XVI còn chưa được ghi chép nhiều. Các bộ sử *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (1), *Lịch triều hiến chương loại chí* (2), *An Nam chí lược* (3)... đều có những thông tin về vùng đất này chủ yếu trên phương diện chính trị và bang giao khu vực, gần nhiều với tên vùng đất được gọi là Chân Lạp (Chenla); hay mối quan hệ giữa quốc gia Đại Việt và vương quốc Chân Lạp nói chung qua *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Phủ biên tạp lục* (4), *Việt sử lược*... Trong khi đó, dù khá hiếm hoi nhưng thư tịch cổ Trung Quốc cũng có được các ghi chép cụ thể hơn như *Tùy thư*, *Văn hiến thông khảo* (Mã Doan Lâm), *Thông chí* (Trịnh Tiểu), *Thái bình hoàn vũ ký*, *Chu phiên chí* (Triệu Nữ Quát)... Trong đó, đặc biệt phải kể đến *Chân Lạp phong thổ ký* của Chu Đạt Quan (người tham gia đoàn sứ giả của nhà Nguyễn đến Chân Lạp năm 1296-1297) với

* ThS. Viện Sử học

những đoạn ghi chép có giá trị: "Nước Chân Lạp... Có đến mười cảng nhưng chỉ cảng thứ tư, tất cả các cảng khác đều bị cát làm cạn nên thuyền lớn không vào được. Nhưng dùng đung xa mà trông đều thấy mây leo, cây già, cát vàng, lau trắng, thẳng thốt nhìn qua thật không dễ phân biệt, vì thế người chèo thuyền cho việc tìm cảng là việc khó"... "Từ chỗ vào Chân Bô trở đi, hầu hết là rừng thấp cây rậm. Sông dài cảng rộng, kéo dài mấy trăm dặm cỏ thụ rậm rạp, mây leo um tùm, tiếng chim muông chen lẫn nhau ở trong đó. Đến nửa cảng mới thấy ruộng đồng rộng rãi, tuyệt không có một tấc cây. Nhìn xa chỉ thấy cây lúa rờn rờn mà thôi. Trâu rừng họp nhau thành từng đàn trăm ngàn con, tụ tập ở đấy. Lại có giống đất dầy tre dài dằng dặc mấy trăm dặm. Loài tre đó, đốt có gai, măng rất đắng" (5). Sau này, các ghi chép khác của giáo sĩ Alexandre de Rhodes (thế kỷ XVII) trong *Hành trình và truyền giáo về vùng đất "quạnh hiu, hoang mạc", Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn thế kỷ XVIII mô tả: "*Phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các cửa biển Cần Giuộc, Soài Lạt, cửa Đại, cửa Tiểu, toàn là rừng rậm hàng mấy ngàn dặm*". ; hay "*Thiên gia lưu đảo man di thổ - Thủy da ngọc ngư, lục xà hồ*" (Nguyễn Cư Trinh)...

Như vậy, liên tục từ thế kỷ VII-XII, thậm chí đến thế kỷ XVIII, châu thổ sông Cửu Long phát triển theo hướng hoang dã, quạnh hiu, vắng bóng người; Hay nói cách khác châu thổ này trở về với cảnh trí thiên nhiên nguyên sơ tưởng như chưa hề được khai phá. Khi lưu dân người Việt đến đều có chung ấn tượng sâu đậm đây là vùng đất với con người mới, cảnh tượng thiên nhiên hoang sơ. Cũng rất lưu ý là trên nhiều vùng đất phương Nam, đến thế kỷ XVI-XVII, hiện tượng tái khai phá, tái định cư đã diễn ra trong bối cảnh lịch sử mới (6).

Thực tiễn lịch sử cho thấy, sự phát triển của các nền văn hóa cho dù được coi là "thuần khiết" nhất cũng không bao giờ có thể phát triển trong trạng thái biệt lập. Sự hưng thịnh luôn là kết quả của một quá trình giao lưu và hợp luyện các giá trị văn hóa, sự vận động, kế thừa sáng tạo và nhân lên những yếu tố nội sinh, ngoại sinh (*endogenous, exogenous factors*). Vào đầu thế kỷ VIII, Chân Lạp đã diễn ra tình trạng phân lập, chia tách nhưng sự phân tán quyền lực đó không phải là đưa xã hội trở lại "trạng thái ban đầu" mà là sự chuẩn bị cho một quá trình vận động, phát triển mạnh mẽ của một thiết chế chính trị tập quyền hơn, thống nhất cao hơn trong các thế kỷ sau. Việc lớn tại một khoảng trống quyền lực hay "một chủ quyền mở" phải chăng là một trong những đặc tính tiêu biểu ở vùng đất Nam Bộ mà chúng ta nhận thức được. Đồng thời, khi xem xét chuyển biến kinh tế - xã hội của Nam Bộ qua 10 thế kỷ, có thể thấy các chủ trương, chính sách và quyền uy của các vương triều trị vì trên dải đất miền Trung và các nước láng giềng khu vực có ý nghĩa rất lớn đối các lớp cư dân Nam Bộ (7).

Vào cuối thế kỷ XVII, do nội chiến, tình trạng suy cao thuế nặng, nạn bắt phu bắt lính, do sự bóc lột tàn bạo của giai cấp địa chủ, cùng điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, lưu dân người Việt, phần lớn là những người nông dân nghèo khổ, lúc đầu còn lẻ tẻ, tự phát, đã tiến sâu xuống phía Nam để khai hoang, lập nghiệp. Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh (8) được sai vào Nam kinh lược, lập phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long (Đồng Nai) và Tân Bình (Sài Gòn). Căn cứ vào tình hình thực tế, Nguyễn Hữu Cảnh thiết lập các xã, thôn, phường, ấp, định thuế, lập sổ dinh, sổ điền; ngoài ra còn lập hai xã Thanh Hà và Minh Hương

(9), "lần đầu tiên cho thấy nỗ lực của chính quyền Đàng Trong nhằm tổ chức hoạt động buôn bán của người Hoa ở vùng phía Đông *Water Frontier*" (10). Năm sau (1699), "Mùa thu, tháng 7, Nặc Thu nước Chân Lạp làm phản, đắp các lũy Bích Đồi, Nam Vang và Cầu Nam, cướp bóc dân buôn. Tướng Long Môn là Trần Thượng Xuyên đóng giữ Doanh Châu (nay thuộc Vĩnh Long) đem việc báo lên... Mùa Đông, tháng 10, lại sai Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống suất, Cai bạ Phạm Cầm Long làm Tham mưu, Lưu thủ Trấn Biên là Nguyễn Hữu Khánh làm tiên phong, lãnh quân hai dinh Bình Khang, Trấn Biên, và thuộc binh 7 thuyền dinh Quảng Nam, cùng với tướng sĩ Long Môn đi đánh" (11). Năm 1700, Nguyễn Hữu Cảnh lần đầu tiên đến cù lao Cây Sao, mở ra thời kỳ mới cho việc khẩn hoang vùng đất nơi đây.

Với những sự kiện cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, nhiều nhà nghiên cứu đã đánh giá rất cao thành quả này của Chúa Nguyễn: đã xác lập được quyền lực của mình tại vùng trung tâm của Nam Bộ, khẳng định chủ quyền của người Việt trên vùng đất mà thực tế chính quyền Chân Lạp chưa khi nào thực thi một cách đầy đủ chủ quyền của mình (12). Sự kiện năm 1698 là *cột mốc quan trọng* trong quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Chúa Nguyễn đối với vùng đất Nam Bộ (13).

Trước tình hình phát triển hết sức nhanh chóng của khu vực Gia Định dưới quyền quản lý của chính quyền Chúa Nguyễn, Mạc Cửu (1655-1735) ngày càng nhận thấy không thể không dựa vào chính quyền Chúa Nguyễn nếu muốn tiếp tục tồn tại, ổn định, củng cố và mở rộng thế lực, nên đã đem toàn bộ vùng đất đang cai quản về với Chúa Nguyễn. Cùng với việc chính quyền Đàng Trong tranh thủ, tiếp

nhận, cũng như tin tưởng bổ dụng Tổng binh trấn Hà Tiên, các sự kiện này được coi là *một bước phát triển đáng kể* trong quá trình mở rộng và kiến lập vùng đất Nam Bộ (14).

Như vậy, cho đến khi Nguyễn Cư Trinh bước lên vũ đài chính trị và có những đóng góp cụ thể đối với vùng đất phương Nam, các diễn biến (biến cố) trên là cơ sở quan trọng trong quá trình xác lập chủ quyền trên vùng đất mới sau này.

2. Nguyễn Cư Trinh và vùng đất Nam Bộ thế kỷ XVIII

Nguyễn Cư Trinh (1716 - 1767) tên chữ là Nghi, hiệu Dạm Am, quê ở xã An Hòa, huyện Hương Trà, nay thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế. Cha Nguyễn Cư Trinh là Nguyễn Đăng Dệ, vốn nổi tiếng về tài văn chương, thi đỗ sinh đồ, làm Tri huyện Minh Linh, được Chúa Nguyễn Phúc Chu mến tài ban cho quốc tính (được mang họ Nguyễn). Là con út trong gia đình có *truyền thống văn học*, ngay từ nhỏ Nguyễn Cư Trinh đã nổi tiếng hay chữ (sau này dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Khoát, điển chương pháp độ đều do Nguyễn Đăng Thịnh kiến lập, từ lệnh do Nguyễn Cư Trinh thảo). Dương thời, Nguyễn Cư Trinh là người có cơ trí mưu lược, giỏi quyết đoán, phàm có kiến nghị tâu bày đều là nói ngay bàn thẳng. *Trong khi tham dự việc quân, 11 năm mở mang đất đai, giữ yên biên giới, công lao danh vọng rõ ràng. Đồng thời, lại giỏi văn chương...* Với vùng đất phương Nam, "đời ấy công nghiệp lớn nhất có hai ông Nguyễn Cư Trinh và Mạc Thiên Tứ"... Thực vậy, Nguyễn Cư Trinh *quê gốc Nghệ Tĩnh, quê mới Thừa Thiên, làm quan Quảng Ngãi, và rồi con đường quan lộ là quá trình khai phá vùng đất cực Nam.*

Theo chính sử nhà Nguyễn *Đại Nam thực lục*, có thể tóm lược quá trình hoạt

Bảng 1

1740-1741	Đỗ Công sai, được bổ làm Tri phủ Triệu Phong, được lấy làm Văn chức.
1750	Thăng chức Tuấn vũ Quảng Ngãi, (Nghị biểu hầu), dẹp yên cuộc nổi dậy của người Thạch Bích.
1751	Năm Tân Mùi, dâng sớ nói về tình cảnh khốn khổ của dân chúng, đề nghị Chúa Nguyễn thay đổi cách cai trị, Chúa không trả lời, Ông xin từ quan.
1753	Năm Quý Dậu, Chúa triệu về kinh, được thăng chức Ký lục dinh Bố Chính Quảng Bình. Mùa Đông, tháng 11, sai Cai đội Thuận Chính (không rõ họ) làm thống suất, Ký lục Nguyễn Cư Trinh làm tham mưu.
1755-1764	<i>Hoạt động ở vùng đất Nam Bộ</i>
1757	Tháng 6, triệu tham mưu dinh Diêu khiển Gia Định là Nguyễn Cư Trinh về, thăng làm Lại Bộ.
1765	Năm Ất Dậu, Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuận triệu về kinh thăng chức Quân tào vận sứ thuộc Bộ Lại, tước Nghị Biểu hầu.
1767	Mùa hè, tháng 5, Lại bộ Nguyễn Cư Trinh chết... Khi chết, tặng Tá lý công thần chính trị Thượng khanh, thụy là Văn Định.

động của Nguyễn Cư Trinh từ sau khi đồ đạt (xem bảng 1) (15).

Như đã trình bày ở trên, cho đến khi Nguyễn Cư Trinh chính thức được giao trọng trách ở Nam Bộ, quá trình mở mang và cai trị phương Nam của họ Nguyễn ở đây đã được nhiều thế kỷ, mang đậm dấu ấn của chính quyền này, cũng như góp cho dân tộc những sắc thái biểu hiện độc đáo. Tuy nhiên từ đầu thế kỷ XVIII, bối cảnh kinh tế - xã hội Đàng Trong đã có những biến động nhanh chóng. Sau khi lập phủ Gia Định, nhìn chung chiến lược của họ Nguyễn trong các thế kỷ là tiến xuống phía Nam và hòa hoãn tới mức tối đa với phía Tây, và có sự khác biệt rõ rệt trong cách ứng xử của họ Nguyễn với người Khmer... "kiểm soát sông Tiền, sông Hậu là vấn đề mà các chúa Nguyễn quan tâm nhất về mặt quân sự và về canh tác" (16). Cuối năm 1714, Chúa chỉ thị cho hai tướng của mình về thái độ đối với cuộc nội chiến của người Khmer "nên làm sao cho trận thì quyết thắng chế phục người xa". Nhưng đối với cuộc nội chiến diễn ra mấy tháng sau, Chúa Nguyễn lại chỉ sai sứ mang thư sang an ủi vỗ về và xem binh thế mạnh yếu cùng địa thế để thế nào. Từ thập niên 1720,

Chúa Nguyễn ngày càng tỏ ra quan tâm hơn đối với phía Nam, lúc đó phía Bắc cũng không còn là mối bận tâm cho họ nữa.

Trong khoảng 50 năm đầu thế kỷ XVIII, sử biên niên nhà Nguyễn đã cho biết một số thông tin đến vùng đất Nam Bộ giai đoạn này (17). Theo đó, trong những năm trị vì, ý thức sâu xa về vùng đất mới mở, dưới áp lực chính trị diễn ra sau đó, các Chúa Nguyễn (18) đã mạnh mẽ trong việc bình định đất phương Nam. Nhìn chung, các Chúa đều dùng cả phương cách là động binh (1705 (19), 1714 (20), 1748 (21), 1750 (22)...) và khuyến dụ. Đặc biệt, các Chúa đều nhận thức rõ vấn đề "ngoại biên" nên không ít lần chỉ thị cho các tướng "*phải xé nên đánh hay nên giữ, sao cho yên nơi phiên phục [sự kiện năm 1714]...; Chúa cho rằng việc binh ở xa khó tính, hạ lệnh cho hai tướng tùy nghi xử trí [1715]"*... Hơn nữa, do quá trình mở rộng mạnh mẽ việc kiểm soát cũng ngày càng phức tạp và khó khăn hơn. Để có thể quản lý và duy trì sự ổn định, Chúa Nguyễn cũng đã có được những quyết sách, và hầu hết được chính những người trong cuộc trình lên, như bố trí và chia những phạm vi quản hạt sao cho

hiệu quả nhất: đặt thành ba dinh và một trấn, hay đặt 12 dinh...

Bên cạnh chủ trương mạnh mẽ trong việc trấn áp các cuộc nổi dậy địa phương, mở rộng phạm vi lãnh thổ, chuyển đổi nhanh mô hình quản lý trong điều kiện mới, thực tế lúc này đời sống kinh tế - xã hội đang gặp khủng hoảng, đời sống nhân dân cơ cực. Điều này đã được Nguyễn Cư Trinh trình bày rõ trong tờ tấu lên năm 1751, trong đó nhiều lần nhấn mạnh "*Dân là gốc của nước, gốc không bền vững thì nước không yên... Dân nên để cho tĩnh, không nên làm cho động, vì động thì dễ loạn, tĩnh thì dễ trị*" (23).

Còn trên bình diện chung, sự khủng hoảng của xã hội Đàng Trong bộc lộ trên tờ phươg diện "nhạy cảm" là tiền lương của quân lính. Theo *Nam Hà kỷ văn*, ở Đàng Trong do lương của quân lính cao nên "nhiều người thích làm lính hơn là làm dân đống thuyền". Thực tế, việc thực hành và áp dụng kiểu trả lương như vậy khá quen thuộc ở xã hội Đông Nam Á, hay "sự đan xen của các yếu tố Đông Nam Á và Đông Á", song lại khá lạ lẫm đối với chính sách cai trị ở phương Bắc. Sự tồn tại đó có vẻ là yếu tố tích cực và hợp lý trong bối cảnh khu vực. Tuy nhiên, từ cái nhìn thực tiễn áp dụng ở Đàng Trong lúc này, theo Nguyễn Cư Trinh việc trả lương là một trong ba điều tệ hại cho xã hội lúc này (qua bản tấu năm 1751). Và thực tế sau đó đã chứng minh nhận định sáng suốt của ông khi nó trở thành một trong các nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của Đàng Trong (24). "Mô hình chính quyền lấy quân đội làm tổ chức hạt nhân và võ tướng làm lực lượng cột trụ... thường triệt tiêu cơ chế giám sát nội bộ... tiềm ẩn nguy cơ lạm dụng quyền lực cá nhân...", có thể thấy qua các hiện tượng như Tôn Thất Tráng với Nguyễn Hữu Dật,

hay sau này Trương Phúc Loan cầm giặc Nguyễn Cư Trinh khi không tới nhà riêng bàn việc triều chính... (25).

Hơn nữa, trong bối cảnh mới đầy biến động, mặc dù "quyền lực hành chính hoàn toàn nằm trong tay các võ tướng cầm quân giữ đất" (26), họ Nguyễn chủ trương chuyển từ chính quyền mang nặng tính quân sự sang dân sự, vừa tìm cách kiểm thúc võ tướng ngoài biên, vừa dùng đạo nghĩa luân thường để ràng buộc... nhưng chính quyền này đã không thể đáp ứng nổi nhu cầu quản lý lãnh thổ rộng lớn, và cũng có thể chưa đủ thời gian để phát huy mô hình chuyển đổi này... Trong quá trình mở rộng mạnh mẽ về phương Nam, dường như Chúa Nguyễn vẫn chưa sẵn sàng cho việc huy động số lượng lớn người tham gia cả ở việc cai quản và khai phá, kết nối giữa các vùng miền... Song, những bề tôi của họ đã làm tốt chủ trương chung là dẫn thân để quản lý, bảo vệ và mở rộng tại các vùng đất mới.

Theo nghiên cứu của Li Tana, khi nền ngoại thương Đàng Trong có xu hướng sa sút, đây là sự mất mát của một nhân tố đảm bảo sự "sống còn" của Đàng Trong. Chính sự chuyển hướng từ phía Đông (khai thác biển) sang hướng Tây (khai thác miền núi và cao nguyên), cho dù nền "thương mại hướng biển" (*sea-oriented commerce*) được nhìn nhận để đáp ứng nhu cầu của người ngoại quốc hơn là trong nước (27), song cùng với những hệ lụy từ mô hình phát triển xã hội, cái giá phải trả là các cuộc nổi dậy của nông dân, trong đó hệ thống thuế, lạm phát... là nguyên nhân quan trọng đưa đến sự diệt vong sau này. Đồng bằng sông Cửu Long, vừa lúa mới vô tận đã làm cho *chính quyền cũ* chuyển hẳn sang *mô hình mới*? hay trở về với *truyền thống cũ*? Thời gian đầu, họ Nguyễn giành

được ưu thế từ quan hệ với cư dân bản địa, tiếp nhận, thích nghi những yếu tố văn hóa địa phương, và tính chất ngoại thương mạnh mẽ, nhưng giờ đây, chính những điều này đã trở thành "kẻ thù" với họ và dường như ngoại thương - cái gì làm cho Đàng Trong mạnh cũng làm cho dễ bị tổn thương nhất.

Ở khía cạnh khác, từ thế kỷ XVIII, thủy quân Đàng Trong và có thể cả lục quân đã không còn mạnh như thế kỷ trước. Nguyên nhân chính nằm ở việc "hưu chiến" giữa hai miền, nên các Chúa Nguyễn đã không còn chú trọng nhiều đến lĩnh vực quân sự. Dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Khoát, theo như mô tả của thương nhân người Pháp Pierre Poivre, các chiến thuyền của Chúa "để tiêu khiển hơn là dùng vào công việc", khi nhìn một chiến thuyền lúc này "Tôi đã được chứng kiến cảnh nhà vua đi câu cá với với tất cả số thuyền của người" (28).

Cũng trong khoảng, thời gian này, theo biên niên sử, sau nhiều năm cát cứ và hoạt động trên danh nghĩa là Chúa, mùa Hạ tháng 4-1744 "Bấy giờ có diễm tốt cây sung nở hoa, bấy tôi là bọn Nguyễn Đăng Thịnh dâng biểu xin chúa lên ngôi vương", sau đức ân Quốc vương, chính thức lên ngôi vua ở Phú Xuân. Khái niệm Đính coi như cơ quan hành chính tỉnh như một "đạo quân" lúc này cũng mất dần ý nghĩa quân sự rõ rệt của nó, ít được thấy xuất hiện hơn trong *Phủ biên tạp lục*. Cùng với đó là phân chia dinh thành phủ (hay huyện) trong thế kỷ XVIII, một tên gọi đã được sử dụng lâu đời ở phía Bắc (29)...

Trong hàng ngũ quan lại trong vương phủ, địa vị của các quan võ đang có chiều hướng giảm sút. Cho đến giữa thế kỷ XVIII, vị thế của Nguyễn Đăng Đệ, Nguyễn Cư Trinh... được đặt ở vị trí cao hơn bất cứ vị quan văn nào, song chiều hướng thặng tiến

của các quan văn là không thể đảo ngược, cùng với đó là cuộc tranh giành ảnh hưởng đã bắt đầu. Trên vùng đất rộng lớn ngày càng trải dài về phía Nam, đã bắt đầu xuất hiện các vọng tộc văn thân bên cạnh những thế gia võ tướng như Nguyễn Đăng ở Thừa Thiên với Đăng Trị · Đăng Đệ, Đăng Thịnh · Đăng Tiến, cha con Đăng Trị · Đăng Thịnh, Đăng Đệ · Cư Trinh... Văn miếu đầu tiên được xây ở Trấn Biên (Biên Hòa) năm 1715 (30).

Như vậy, trưởng thành là một văn quan, xuất thân trong gia đình có truyền thống khoa cử, văn học, Nguyễn Cư Trinh lại được đảm nhận nhiều nhiệm vụ quan trọng trong quân đội. Theo đó, 3 năm sau ngày giữ chức Tuần vũ Quảng Ngãi, năm 1753, "Mùa xuân, tháng 3, lấy Nguyễn Cư Trinh làm Ký lục dinh Bố Chính. Bấy giờ hoàng tử nhà Lê là Duy Mật giận họ Trịnh lấn tiếm, họp quân đóng giữ thành Trinh Quang thuộc Trấn Ninh, mưu diệt họ Trịnh. Trịnh Doanh sai quân các đạo đi đánh, không được, muốn mượn đường ở ta, đưa thư xin theo đường Trấn Ninh (thuộc Quảng Bình) để tiến đánh. Chúa sai Cư Trinh làm thư khước từ. Doanh bèn thôi... Mùa đông, tháng 11, sai Cai đội Thiệp Chính (không rõ họ) làm thống suất, Ký lục Nguyễn Cư Trinh làm tham mưu, điều khiển tướng sĩ năm dinh Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ, sang đánh Chân Lạp. Họ tiến đóng quân ở Ngưu Chử [Bến Nghé], dựng dinh trại (Bấy giờ gọi là dinh Dồn, tức nay là chợ Diêu Khiển, thuộc Gia Định), kén quân lính, chú nhiều lương thực để làm kế khai thác" (31). Hẳn nhiên, ngay từ đầu Đàng Trong chủ trương xây dựng một chính quyền quân sự, song việc kết hợp và sử dụng đồng thời là đặc trưng rất rõ nét trong quá trình chuyển đổi sang mô hình mang tính dân sự hơn.

Như đã trình bày, trong bối cảnh xã hội Đàng Trong đang vận hành và chuyển đổi, lúc này việc quan văn ngày càng có tiếng nói đã góp thêm vào chính sách đối ngoại. Trong công cuộc mở rộng về phương Nam, đối sách của Chúa Nguyễn đã trở nên mềm dẻo, thực tế hơn. Theo đó, sự kiện năm 1755-1756 đã cho thấy sự chuyển hướng mạnh mẽ. Chính sử nhà Nguyễn chép: "Nặc Nguyễn nước Chân Lạp trình bày rằng việc đánh cướp Côn Man là do tướng Chiêu Chùy Éch gây ra, nay xin hiến đất hai phủ Tâm Bồn, Lôi Lạp và nộp bù lễ cống còn thiếu về ba năm trước để chuộc tội... Chúa biết là nói dối, không y lời xin". Nguyễn Cư Trinh tâu: "Từ xưa việc dụng binh chẳng qua là để trừ diệt bọn đầu sỏ và mở mang thêm đất đai... Nếu bỏ gần cầu xa, e rằng hình thế cách trở, binh dân không liên tiếp, lấy được tuy dễ, mà giữ thực là khó. Khi xưa mở mang phủ Gia Định tất phải trước mở đất Hưng Phúc, rồi đến đất Đồng Nai, khiến cho quân dân đông đủ, rồi sau mới mở đến Sài Gòn. Đó là cái kế tầm ăn dần... Thân xem người Côn Man giỏi nghề bộ chiến, người Chân Lạp cũng đã sợ lắm. Nếu cho họ đất ấy khiến họ chống giữ, "lấy người Man đánh người Man", cũng là đắc sách. Vậy xin cho Chân Lạp chuộc tội, lấy đất hai phủ ấy, ủy cho thân xem xét hình thế, đặt lũy đóng quân, chia cấp ruộng đất cho quân và dân, vạch rõ địa giới, cho lệ vào châu Dinh Viễn, để thu lấy toàn khu". Chúa bèn y cho" (32).

Trong khu vực, nhân tố Xiêm đóng vai trò đáng kể trong việc hoạch định chính sách của chính quyền Chúa Nguyễn. Năm 1756 (Cảnh Hưng thứ 16), nước Xiêm gửi thư đến chính quyền Đàng Trong nhắc lại "việc hòa thân lâu đời" và đề nghị tạo điều kiện cho thông thương. Hẳn là, ẩn đằng sau những ngôn từ ngoại giao đó là những

toan tính về ngoại giao và mở rộng ảnh hưởng, nhất là với vùng đất phương Nam (33). Từ động thái trong mỗi bang giao khu vực, trên ý nghĩa đối với việc xác lập thêm vào lãnh thổ vùng đất mới, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng sự kiện năm 1756 đánh dấu chính sách "tâm thực" hết sức khoan ngoan. Đối với Nguyễn Phúc Khoát, "là người thông minh, cương nghị, tham lam tàn nhẫn, nhiều dục vọng, việc gì cũng quả quyết làm..." (34); song cũng là người chăm lo chính sự, lưu tâm đặc biệt đến tài hóa quốc gia, thường sai quan đi tuần các dinh trấn, răn trừng các quan hữu trách... nhờ khéo khu xử với Xiêm, can thiệp vào nội tình của Chân Lạp nên đã thu trọn vùng đất Nam Bộ. Do nhu cầu khai thác, mở rộng, bảo vệ, chính sách đối với vùng đất phương Nam đã "mềm hóa" tính chất cứng rắn của chế độ quân chính trong tổ chức chính quyền ở đây. Trong những thành công chung của Chúa, phần nào trong đó có được từ những tham mưu sáng suốt của bề tôi như Nguyễn Cư Trinh, một tư duy thế cục, nhạy cảm thời cuộc và những toan tính chiến lược lâu dài.

Đến năm 1757, tiếp tục nhận được sự tham mưu từ Trương Phúc Du và Nguyễn Cư Trinh, Chúa Võ vương quyết định chinh phục các vùng đất Nam Bộ bằng con đường hòa bình. Theo đó, năm 1757, Nặc Nguyễn nước Chân Lạp chết, Nặc Nhuận (chú họ) tạm coi việc nước. Biên thần tâu xin nhân đó lập Nhuận để tỏ ân nghĩa, cho vưng biên cương. Chúa bắt phải hiến hai phủ Trà Vinh, Ba Thắc, rồi sau mới y cho. Khi ấy xảy việc con rể Nặc Nhuận là Nặc Hình giết Nặc Nhuận để cướp ngôi, con Nặc Nhuận là Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên. Thống suất Trương Phúc Du thừa thế tiến đánh. Nặc Hình chạy đến Tâm Phong Xuy, bị quan phiên Ốc Nha Ưông giết chết. Bấy

giờ Mạc Thiên Tứ (35) cũng tâu giúp cho Nặc Tôn.

Chính sử nhà Nguyễn chép: "Chúa bèn sắc phong cho Nặc Tôn làm vua nước Chân Lạp, sai Thiên Tứ cùng với tướng sĩ nắm dinh hộ tống về nước. Nặc Tôn bèn dâng đất Tâm Phong Long. Phúc Du và Cư Trinh tâu xin dời dinh Long Hồ đến xứ Tâm Báo (nay là thôn Long Hồ, tức là tỉnh lỵ Vĩnh Long). Lại đặt đạo Đông Khẩu ở xứ Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang, đạo Châu Đốc ở Hậu Giang, lấy quân dinh Long Hồ để trấn áp. Bấy giờ Nặc Tôn lại cất năm phủ Hương Úc, Cần Vọt, Chân Sum, Sài Mạt, Linh Quỳnh để tạ ơn Mạc Thiên Tứ, Thiên Tứ hiến cho triều đình. Chúa cho lệ năm phủ ấy vào quản hạt Hà Tiên, Thiên Tứ lại xin đặt Giá Khê làm đạo Kiên Giang, Cà Mau làm đạo Long Xuyên, đều đặt quan lại, chiêu dân cư, lập thôn ấp, làm cho địa giới Hà Tiên ngày càng thêm rộng" (36). Các sự kiện này đều được phản ánh trong tài liệu lịch sử Chân Lạp với những lần chuyển nhượng, cắt đất, dâng đất để "trả ơn" (37).

Nhận rõ vị trí chiến lược quan trọng lâu dài, nhiều mặt của đất Tâm Phong Long (hiếm yếu, núi cao, sông dài, nhiều rừng rậm, dân cư thưa thớt, dễ phòng thủ) (38), đối với miền Nam sông Tiền, Nguyễn Cư Trinh cùng Trương Phúc Du xin Chúa Nguyễn dời dinh Long Hồ (để kiểm soát Tiền Giang, hai bên bờ Hậu giang, bao trùm vùng vịnh Xiêm... dụng ý để khống chế Cao Miên (39) đặt đạo Đông Khẩu, đạo Châu Đốc..., đặt các đồn ở Tây Ninh, Hồng Ngự, Cù lao Giêng, Sa Đéc, Châu Đốc và tổ chức các trạm liên lạc thường xuyên hợp tác với Mạc Thiên Tứ ở Hà Tiên khi cần thiết... Và quá trình đó "đã góp thêm những minh chứng sinh động và thuyết phục để làm rõ hơn lịch sử dựng nước và

giữ nước của dân tộc ở vùng đất phương Nam" (40).

Trong tình thế và mối tương tác quyền lực khu vực, việc có thể chủ động giao trọng trách cho Mạc Thiên Tứ điều hòa mối quan hệ giữa Hoàng tử nước Chân Lạp và sau này với Hoàng tử Xiêm Chiêu Thủy và Chiêu Xi Xoàng (1764) cho thấy sự tin tưởng của Chúa Nguyễn (41), mặc dù vậy Chúa cũng luôn lệnh cho quân đội ở Gia Định trấn di theo "hộ viện". Vốn nội phụ vào đất Chúa Nguyễn, họ Mạc thừa hiểu mối quan hệ giữa hai cường quốc Xiêm và Đàng Trong, trong vai trò điều phối đó, hẳn nhiên Hà Tiên cũng có được nhiều lợi ích. Dời khỏi Quảng Đông từ sau những biến cố chính trị ở Trung Quốc, sau một thời gian nội thuộc Chân Lạp, họ Mạc, một ngoại kiều, ngoại tộc, sự nhạy bén của một thương nhân, có đủ thời gian chứng kiến những biến động chính trị và tương quan quyền lực Xiêm - Chân Lạp - Đàng Trong. Là dân di cư, với truyền thống buôn bán, Mạc Cửu đã sớm phát triển vùng đất Hà Tiên trở thành một trung tâm thương mại "ghe thuyền ở sông biển qua lại nơi đây như mác cù, thật là nơi đại đô hội". Sự lớn mạnh của "cộng đồng Hoa kiều", "không gian Hoa kiều" ở dải đất rộng lớn (42), cùng thái độ khôn ngoan với chính quyền sở tại, người Hoa sớm trở thành một thế lực kinh tế, và những can thiệp mang tính chính trị gia tăng ở đây. *Đừng về chiến lược với chính quyền Đàng Trong, hành động đó càng làm cho mối quan hệ giữa Hà Tiên với chính quyền trung ương trở nên chặt chẽ, càng có lợi trong công cuộc bình định vùng đất mới nội thuộc* (43).

Ngoài việc triển khai các hoạt động an ninh quốc phòng, Nguyễn Cư Trinh còn rất coi trọng các vấn đề kinh tế, xã hội, về an sinh, tiếp nhận, tổ chức sinh hoạt cho lưu

dân khẩn hoang lập ấp, cũng như trong mối quan hệ với những thế lực như Chân Lạp, họ Mạc (44) hay xa hơn là Xiêm lúc này. Vùng Long Hồ, dưới quyền cai quản của Nguyễn Cư Trinh là thời kỳ bình yên. Sau một thời gian cần cù lao động, khai hoang mở cõi lại được thiên nhiên ưu đãi, tận dụng và khai thác triệt để những yếu tố khách quan, đến lúc này có được diện mạo mới "đồng nội màu mỡ, ruộng vườn xanh tốt", "thức ăn nhiều" là vùng "đất hứa" của người dân các nơi di cư tới. Dân số Long Hồ tiếp tục được phát triển, sinh hoạt văn hóa tinh thần cũng ngày càng phong phú. Gần 10 năm cai quản dinh Long Hồ (1757-1765), Nguyễn Cư Trinh cũng đồng cảm và thấu hiểu nỗi thống khổ của người dân trên vùng đất mới hoang sơ tạo lập cuộc sống, từ đó càng giúp ông tận tâm phát triển, nâng cao đời sống nhân dân, cũng như tham gia khai hóa về mặt dân trí, văn hóa...

Sử sách và những nghiên cứu trước đây chưa cho biết nhiều về quãng thời gian gần 10 năm hoạt động của Tham mưu Điều khiển Ngũ Dinh Nguyễn Cư Trinh ở vùng đất Nam Bộ. "*Ở ngoài biên mười năm, cai vọng lấy lòng, dân Việt, người Man thấy đều khâm phục*", từ thực tiễn biểu hiện này có thể hình dung phần nào tấm lòng với vùng đất, giai đoạn được coi là bình yên, phát triển, đặc biệt tạo nền tảng rất quan trọng trong quá trình bình định *trọn vẹn*.

Trong khoảng thời gian này, chúng tôi xin lưu ý quá trình trấn thủ và mở rộng lãnh thổ có vai trò quan trọng của "gia đình" Nguyễn Cư Trinh. Theo nghiên cứu của tác giả Trương Minh Đạt, Hiệp trấn Hà Tiên, Anh Đức Hầu là con trai cả của ông tên là Nguyễn Cư Dật (hủy danh Tín) (45). Trước đó, Cai bạ Ký lục sự dinh Trấn Biên Nguyễn Cư Căn, anh trai của Nguyễn Cư

Trinh đã bị sát hại tại Trấn Biên (Biên Hòa) (sau được truy tặng hàm Đại lý Tự khanh, thụy là Trung Nghi). Trong việc xử lý những mối tương quan chính trị, ngoại giao, quân sự với Mạc Thiên Tứ, Mạc Nguyên, hay việc bố trí cũng như có những dận dò với Anh Đức Hầu... kiểm chế Mạc Thiên Tứ "*Thuận chi tất khách, nghịch chi tất trị kỳ tín dã*", Nguyễn Cư Trinh cho thấy bản lĩnh, và dù khôn ngoan tận dụng thế bố trí quân sự, tiềm lực, sức mạnh giữa các bên hiện diện ở vùng đất rộng lớn lúc này. Cho nên "*chỉ trong vòng mấy năm từ 1755 đến 1759, Nguyễn Cư Trinh đã hoàn thành cuộc liên kết Gia Định - Hà Tiên, thu phục Mạc Thiên Tứ và kiểm soát Nặc Nguyên, không hao tổn tướng, sát nhập trọn vẹn đồng bằng sông Cửu Long...*" (46).

Như chúng tôi đã trình bày, khi Thống suất Thiệp Chính được cử đi đánh người Khmer (1755), và kết cục bi thảm của vị tướng này cũng được nhìn nhận từ cuộc xung đột giữa võ quan và văn quan. Trong xu thế đó, việc chúa xưng "Vương" năm Giáp Tý (1744) cũng là một nguyên nhân. Theo đó, hàng loạt những thay đổi đã diễn ra: Chúa Phủ thành diện, các văn bản trình lên chúa từ thân đổi thành tấu, dùng niên hiệu vua Lê, nhưng đối với thuộc quốc thì dùng Thiên vương, đúc ấn quốc vương, đổi Từ đường thành Tông miếu, thành lập Lục bộ, đổi thân quân thành Vũ lâm quân, các Văn chức đổi thành Hàn lâm viện, định quan phục văn quan và võ quan... *Phủ Xuân trở thành một đô hội phồn hoa, đẹp đẽ, chưa từng thấy* (47)... Đồng thời, khi nhìn nhận lại lịch sử sau sự kiện quân sự năm 1755, cho đến cuối đời chúa Võ vương, chính sử đã không ghi nhận một lần động binh nào khác (48). Trong suốt thời kỳ trị vì của Võ vương Nguyễn Phúc Khoát (1739-1765), khuynh hướng chính trị và đối ngoại

hòa hiếu đã thu được những kết quả rất lớn. Sử sách đã từng chép về Chúa với "nhiều dực vọng", việc gì đã quyết thì làm, song thực tế đã minh chứng thái độ và động thái khá mềm dẻo và những toán tính khôn ngoan của vị Chúa này. Mặt khác, cũng vì mới việc xưng "Vương", lo củng cố về đối nội và đối ngoại nên Võ vương tỏ ra giao hảo, hữu nghị với khu vực và với nhà Thanh. *Góp chung vào dòng chủ lưu đó, vai trò của những văn thần đã tác động mạnh đến thái độ của người đứng đầu Đàng Trong từ kinh nghiệm xử lý toàn cục, thấu tình đạt lý trên cơ sở ý thức dân tộc mạnh mẽ.* Rõ ràng, lúc này "Đàng Trong cần một đội ngũ trí thức có cả kiến thức lý thuyết lẫn năng lực thực tiễn đảm nhận những trọng trách... về chính trị, ngoại giao và quân sự... và ở Nam Bộ thế kỷ XVIII-XIX hầu như không có loại nhà nho bác thông kinh sử theo kiểu chỉ giỏi việc trích cú tầm chương", do vậy các nhà nho ở đây nắm được xu thế của đời sống, nguyện vọng của nhân dân, từ đó để dẫn thân, ứng xử phù hợp, để lại dấu ấn trên những hoạt động "hành đạo" của Nho giáo Đàng Trong (49). Và, *Nguyễn Cư Trinh là gương mặt điển hình của một quan chức - trí thức khai hóa trong quá trình mở nước của chúa Nguyễn, người phát ngôn cho những suy tư trần trụi của bộ phận nho sĩ, hăng hái dân thân nhưng cũng đầy trách nhiệm, bức xúc day dứt trước thực tiễn thời đại.*

Quá trình mở rộng vùng đất Nam Bộ của Chúa Nguyễn chủ yếu thông qua khai phá hòa bình kết hợp với đàm phán ngoại giao để khẳng định chủ quyền. Trong quá trình đó, việc bảo vệ dân chúng khẩn hoang và xác lập chủ quyền là hai quá trình song song và trọng đại. Cho đến giữa thế kỷ XVIII, toàn bộ khu vực Nam Bộ đã hoàn toàn thuộc quyền cai quản của Chúa

Nguyễn, nhanh chóng trở thành vùng phát triển kinh tế năng động (50). Trong những bước phát triển quyết định, nhất là giữa thế kỷ XVIII, Nguyễn Cư Trinh đóng vai trò rất to lớn (51).

Tuy vậy, từ những năm cuối đời Võ vương, Đàng Trong đang suy thoái mạnh. Thực tế là, trong lòng của xã hội Đàng Trong, mặc dù ở thời đoạn cực thịnh nhất và quá trình hòa trộn, tiếp biến diễn ra hết sức mạnh mẽ, nhưng dòng văn hóa - xã hội chủ đạo "thời thượng" ngấm chầy lối sống "kiểu Bắc" (Đàng Ngoài): "uống chén sứ bị bực và nhổ ống đồng thau, đĩa bát ăn uống thì không cái gì là không phải hàng Bắc" (52), "Ba phủ Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Gia Định thì thóc gạo không xiết kể, khách Bắc buôn bán quen khen không bao giờ" (53), giới quan chức tham những đua nhau làm giàu... Còn bộ máy hành chính mang nặng tính quân sự - sự lựa chọn "không tránh khỏi" của họ Nguyễn thời gian đầu. Do chưa có một cái nhìn so sánh từ những thể chế khác trong khu vực Đông Nam Á nên "việc hành chính có cái gì giống như ở Nhật và ở Tàu", mặc dù "theo tình thần của dân tộc mình" (54), mở rộng đất là mở rộng bộ máy quan liêu bấy nhiêu. "Quần dân hai xứ thân yên tín phục, cảm nhân mến đức, đời đổi phong tục" (55) cũng cho thấy sự quy thuận với chính quyền Đàng Trong, tạo mối đoàn kết với người Việt, nhưng ở một khía cạnh nào đó, cũng phải thấy một thực tế là quá trình Việt hóa đã diễn ra mạnh mẽ, đương nhiên ở chỗ có mức độ tự cư cao (56).

Từ hai phương cách mang đậm tính chất Bắc đó đã cho thấy nỗ lực trở về với mô hình Nho giáo "chính thống" đang dần lan tỏa và thất chặt một chính thể tập quyền truyền thống. Về quá trình này, Li Tana nhận định "cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn đã

làm gián đoạn nỗ lực xây dựng một nền hành chính đậm màu sắc dân sự hơn tại "Đàng Trong", trên hết với những yếu tố cũ, mới, việc xây dựng như thế nào thì "Đàng Trong không phải là phần phía Nam của Đàng Ngoài. Vương quốc của họ Nguyễn có quá nhiều yếu tố khác biệt" (57). Họ Nguyễn trong thời gian đầu đã tỏ ra thành công trong việc xử lý các yếu tố đó, nhưng sau này vẫn lựa chọn mô hình kinh điển theo chính thể áp chế từ phương Bắc, một thể chế mà qua nhiều thế kỷ suy sụp, lại vừa cố gắng trở dậy... Có thể nói, thiết chế Đàng Trong là phiên bản mới của một mô hình cũ; đến cuối thời Chúa Võ vương, nó đã ở đỉnh điểm của sự phát triển, tiếp cận đến mạn sườn suy thoái.

Sau khi Nguyễn Phúc Khoát mất, áu Chúa (Nguyễn Phúc Thuần, 12 tuổi) lên kế nghiệp, Trương Phúc Loan lấy quyền Quốc phó, xem triều thần chẳng có một ai, chuyên quyền, giết hại người ngay, bán quan, tóan thâu mọi việc trong tay một mình... "Trương Phúc Loan cầm quyền, chính trị tự chuyên. Nội hữu chương dinh Tôn Thất Nghiễm, chương Thủy cơ Tôn Thất Viên (đều là con Dận quốc công Tôn Thất Diển, bấy giờ người ta gọi là Nghiễm quận công) đều được chúa thân yêu, nhưng chỉ say mê tửu sắc, không để ý đến việc nước. Loan thấy thế bèn không kiêng nể gì, bán quan, buôn tước, ăn tiền tha tội, hình phạt phiến nhiễu, thuế má nặng nề, nhân dân đều lấy làm khổ. Trong khoảng 4, 5 năm, tai dị hiện ra luôn, đất động, núi lở, sao sa, nước đỏ, trăm họ đói kém, trộm cướp tứ tung. Trong nước tự đó sinh nhiều việc" (58). Chúa Duệ Tông chỉ nghĩ đến vui chơi, xa xỉ. Trước tình hình đó, Nguyễn Cư Trinh, được điều về Phú Xuân, thăng Lại bộ, cũng như những trọng thần khác "cùng không ngăn được tình hình rối ren", khủng

hoảng tử trong vương triều đẽr ngoài xã hội. "Trải qua thời Nguyễn Phúc Khoát hào phóng bắt chước nhau, làm thành thói quen. binh sĩ đều ngồi chiếu mây, dựa quả tựa hoa, ôm lò hương cổ... Coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn, xa xỉ rất mực", Trương Phúc Loan "nhà chứa vàng bạc vô số", Nguyễn Noãn "lấy 120 vợ lẽ, buồng sau chứa đầy châu ngọc", nên "*Dùng người như thế, hỏi sao không mất nước!*" (59).

Với Nguyễn Cư Trinh, trung thành với chế độ, sớm phát hiện ra những mâu thuẫn, khuyết tật của thể chế, những mong góp ý để cải thiện nhưng đã bất lực. Là người "dùng binh cương quyết... vào cuối đời, có dâng sớ tố cáo tệ quan trường nhưng nhiều do sự chấp chính của quyền thần Trương Phúc Loan", nhiều lần phản ứng quyết liệt trước mặt Trương Phúc Loan... song không xoay chuyển được gì trong bối cảnh chính trị - xã hội lúc này. Hai năm sau ngày Võ vương mất, mùa Hè năm 1767, Nguyễn Cư Trinh lâm bệnh và qua đời, khi đó 52 tuổi.

3. Nhận xét

40 năm sau ngày mất, năm Gia Long thứ 5 (1806), Nguyễn Cư Trinh được truy tôn làm Kiến Cương Uy Đoán Thần Nghị Thánh Du Nhân Từ Duệ Trí Hiếu Vũ hoàng đế, miếu hiệu là Thế tông, lăng gọi là Trường Thái; năm 1839, vua Minh Mạng xem Thực lục các thánh thấy Nguyễn Cư Trinh nhiều mưu kế, có chiến công, sự nghiệp rực rỡ, mà lâu chưa thờ phụng ở miếu đình, bèn chuẩn y bộ Lễ bàn, tặng phong quan tước, cho thờ phụ ở Thái miếu... Đó là ghi nhận và đánh giá toàn diện cuộc đời hoạt động của Nghị Biểu hầu Nguyễn Cư Trinh.

Nguyễn Cư Trinh là hình mẫu của giới nho sĩ Nam Hà tiền kỳ: trọng thực học,

không nệ khoa bảng, nhân quan thoáng mở, cơ bản vẫn dựa vào chuẩn hệ truyền thống Nho giáo, nhưng có pha trộn thêm tố chất văn hóa dân gian, thực tiễn, trào phúng của vùng đất phương Nam, ít sơ cứng giáo điều (60).

Nhìn lại lịch sử có thể thấy, cuộc đời quan lộ của Nguyễn Cư Trinh trùng với thời trị vì của Chúa Nguyễn Phúc Khoát. Trong những thành công chung của chính quyền Đàng Trong hẳn không thể không kể đến vai trò của Nguyễn Cư Trinh, đặc biệt đối với vùng đất Nam Bộ. Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Cư Trinh là một cuộc trường chinh Nam tiến.

Cho tới sự kiện năm 1757, hầu như không có những biến động lớn, căn bản được xác lập từ bước ngoặt cuối thế kỷ XVII ở Nam Bộ. Hơn nữa, sự phát triển của vùng đất mới cai quản ở đầu thế kỷ XVIII về mọi mặt đã có tác động đến khu vực khác, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình xác lập chủ quyền. Người Việt đến ngày càng đông, ảnh hưởng mạnh mẽ và trở thành chủ nhân thực sự của vùng đất. Nam Bộ trở thành địa bàn sinh tụ, vùng đất di cư, nơi giao tranh giữa các thế lực, để rồi cuối cùng

người Việt, trong sự ủng hộ và ứng xử khoan dung, hòa hợp với các cộng đồng cư dân bản địa và các lớp người đến trước, với tầm nhìn sâu rộng, ý chí mãnh liệt cả sự hy sinh to lớn đã xác lập được chủ quyền thực tế. Việc chúa Nguyễn dần xác lập chính thức vào giữa thế kỷ XVIII là xu thế tất yếu trên cơ sở của tất cả các yếu tố chủ quan và khách quan cộng tồn.

Quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế - xã hội Đàng Trong từ giữa thế kỷ XVIII, trong đó sản xuất và thương mại hóa thóc gạo là một trong những biến cố đầy ý nghĩa. Nó trở thành động lực thúc đẩy bước phát triển xa hơn nữa xuống phía Nam và tạo cơ hội đẩy trọng tâm kinh tế xuống phía Nam của người Việt. Họ Nguyễn gia tăng hòng đưa đồng bằng sông Cửu Long vào trong hệ thống chính trị và kinh tế của mình. Nỗ lực đó gặp phải sự đụng độ với Xiêm đang bành trướng sang phía Đông, cũng như cuộc nội chiến quyết liệt với Tây Sơn từ thập niên 70 và thực tế đã khiến họ lao đao và đi vào con đường suy vong. Tuy vậy cuối cùng, đồng bằng sông Cửu Long, vùng đất Nam Bộ đã cứu họ Nguyễn.

CHÚ THÍCH

(1). "Chân Lạp: Tên nước, ở về phía nam Lâm Ấp. Theo Đường thư Chân Lạp còn có tên là Cát Miệt (Khor Me). Chân Lạp vốn xưa là thuộc quốc của Phù Nam, sau năm Thiên Long (705 - 706) dời Dương, chia làm hai: nửa về phía bắc có nhiều gò núi, gọi là Lục Chân Lạp, tức nay là Cao Miên; nửa ở phía nam liền biển, nhiều hồ, nhiều chằm, nên gọi là Thủy Chân Lạp, nay là sáu tỉnh Nam Kỳ". *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, Đà Nẵng, 2007, tr. 193.

(2). "Tại sao những nước Lâm ấp, Phù Nam, Chân Lạp, Ai Lao, tuy đều là những nước nhỏ mọn

mà còn có quân trường, không đến nỗi lệ thuộc quá như nước Nam minh?". Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 34-35.

(3). "So niên, hiệu Khai Nguyên (713 - 714), của Huyền Tông, soái trưởng Giao Châu là Mai Thúc Loan làm phản, hiệu xưng là Hắc Đế, ngoài kết giao với quân của Lâm ấp và Chân Lạp, tập hợp được 30 vạn quân sĩ, chiếm cứ nước An Nam". Lê Tác, *An Nam chí lược*, Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2002, tr.117-118.

(4). "Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 5 (1132), Nhâm Tý, người nước Chiêm Thành là bôn Cự Ban trốn về nước, đi đến trại Nhật Lệ thì người trại ấy bắt được giải về Kinh sư. Chiêm Thành bèn cùng Chân Lạp hội quân vào cướp Nghệ An. Chân Lạp tức là nước Cao Miên ngày nay. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 39-40.

(5). Chu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ ký*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 22-24.

(6). (33). Nguyễn Văn Kim: "Nam Bộ Việt Nam - Môi trường kinh tế biển và mối quan hệ với các quốc gia khu vực thế kỷ XVI-XVII", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 1(357)-2006.

(7). *Nam Bộ từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVI* (PGS.TS Nguyễn Văn Kim chủ nhiệm) thuộc Đề án KHXH cấp Nhà nước: *Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ* (GS. Phan Huy Lê chủ trì).

(8). Nguyễn Hữu Cảnh (Nguyễn Hữu Kính) là con thứ của Nguyễn Hữu Dật và là em ruột của Thống suất Nguyễn Hữu Hào. Năm 1692, ông làm Tổng binh đánh dẹp giặc Bà Tranh tại Thuận Thành, sau đó được cử làm Trấn thủ dinh Bình Khang. Nguyễn Hữu Cảnh mất tại Sầm Giang trên đường rút quân về Gia Định. Chúa tặng phong Hiệp tá công thần, Dặc tiến chương doanh, thụy Trung Cẩn. Người Chân Lạp lập đền thờ ở đầu bãi Nam Vang... Năm 1813, vua Gia Long sai sửa đền thờ Khai quốc công thần Nguyễn Hữu Kính ở Nam Vang; trước kia Nguyễn Hữu Kính đi kinh lược Chân Lạp đóng quân ở đây; sau khi chết, dân Chân Lạp làm đền thờ ngay đây, gọi là đền Lễ công). Xem thêm Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam liệt truyện*, tập 1, uấn biên, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2005, tr. 126-128.

(9). *Đại Nam thực lục* chép: Bắt đầu đặt phủ Gia Định. Sai Thống suất Nguyễn Hữu Kính kinh lược đất Chân Lạp, chia đất Đồng Phố, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long (nay thăng làm phủ), dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình (nay thăng làm phủ), dựng dinh Phiên Trấn (tức Gia Định ngày nay), mỗi dinh đều đặt các chức lưu thủ, cai bạ, ký lục và các cơ đội thủy thủy bộ

lĩnh binh và thuộc binh. Mở rộng đất được nghìn dặm, được hơn 4 vạn hộ, bèn chiêu mộ những dân xiêu bạt từ Bắc Chính trở về Nam cho đến ở cho đông. Thiết lập xá thôn phường ấp, chia cát giới phận, khai khẩn ruộng nương, định lệnh thuế tô dung, làm sổ dinh điền... Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 111

(10). Theo GS.TS. Yumio Sakurai, khái niệm "Water Frontier" nên được hiểu theo hai nghĩa: Thứ nhất, nó nhằm xác định vị trí một trung tâm mới nổi ở Đông Nam Á hải đảo, ghi nhận vai trò của người Hoa trong quá trình phát triển đó. Đồng thời còn cho thấy một không gian mở rộng cho những nhà du hành người Hoa mà A.Reid gọi là "Chinese Century" ở Đông Nam Á. Thứ hai, trên quan điểm rộng lớn về hoạt động hàng hải của người Hoa ở Đông Nam Á, một mặt, khái niệm này chỉ ra một kỷ nguyên chuyển tiếp giữa các thị trường và mạng lưới buôn bán đặc trưng của Kỷ nguyên Thương mại và cấu trúc nhà nước kiểu Mandala thế kỷ XVII; mặt khác, nền hải thương mới nổi ở thế kỷ XVIII xuất hiện như những nhà nước địa phương mở rộng gắn đến giới hạn của nó ở tiền-thực dân mạt kỳ (*late pre-colonial*). Xem Yumio Sakurai, *Eighteenth-Century Chinese Pioneers on Water Frontier of Indochina*, trong *Water Frontier: Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750-1880*, Rowman and Littlefield Publishers, INC, 2004, pp. 35-36, 41.

(11). (15), (17), (23), (31), (32), (36), (58). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 112, 148-172, 166-167, 163-165, 166-167, 165-172.

(12). Vũ Minh Giang: *Chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ trong Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ đến cuối thế kỷ XIX*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, Tp. Hồ Chí Minh, 2006, tr. 385.

(13). Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam: *Lược sử vùng đất Nam Bộ*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr. 32-33.

(14). Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam: *Lược sử vùng đất Nam Bộ*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008, tr. 33. Xem thêm Ngô Văn Lệ, *Vùng đất Hà Tiên và*

việc mở rộng lãnh thổ, xác lập chủ quyền và thực thi chủ quyền của Chúa Nguyễn ở Nam Bộ, trong *Thành phố Hồ Chí Minh hưởng về 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, 2010, tr. 665-676. Nguyễn Văn Kùm: "Nam Bộ Việt Nam - Môi trường kinh tế biển và mối quan hệ với các quốc gia khu vực thế kỷ XVI-XVII". Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1(357)-2006.

(16) Sơn Nam, *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Đông Phố, Sài Gòn, 1973, tr. 35.

(18). Nguyễn Phúc Chu, *Hiển Tông Hiếu Minh* (Quốc Chúa, 1691-1725); Nguyễn Phúc Chú (Trú), *Túc Tông Hiếu Ninh* (Định Quốc Công, 1726-1738), Nguyễn Phúc Khoát (Võ vương, 1738-1765).

(19). Sai Chánh thống cai cơ Nguyễn Cửu Vân (con Nguyễn Cửu Dực) *đánh Chấn Lạp* và đưa Nặc Yêm về nước.

(20). Nhân sai Cai cơ Tả bộ dinh Bình Khang là Nguyễn Cửu Triêm lãnh 26 thuyền quân thủy bộ của dinh Bình Khang để ứng tiếp, lấy quân 4 thuyền cơ Tả thủy dinh Quảng Nam để tiếp giữ dinh Bình Khang.

(21). Sai Diêu khiến Nguyễn Hữu Doãn đi đánh Chấn Lạp dẹp yên.

(22). Nặc Nguyễn nước Chấn Lạp xâm lấn người Côn Man. (Bấy giờ bộ lạc của tù trưởng Thuận Thành có nhiều người xiêu dạt sang ở đất Chấn Lạp, gọi là Côn Man, có tên nữa là Vô Tỳ man). Thủ tướng báo lên. Chúa cùng bầy tôi bàn đi đánh, bèn sai sứ đưa thư sang cho nước Xiêm nói rằng: "Đấng vương giả dùng binh là để dẹp loạn giết bạo, cho nên vua Văn vương giận [rạ Sùng Mậu] bất kính, vua Tuyên vương đánh [rạ Hiểm Doãn] chiếm đất, đó là việc bất đắc dĩ chứ không phải ưa thích chiến tranh. Nước Chấn Lạp bé nhỏ kia là phiên thần của nước ta, mà dám tụ họp còn đó, dựa thế lấn nơi biên giới. Việc làm như thế, dẫu nước Xiêm cũng phải ghét vậy. Nay sai quan võ đem quân hỏi tội, chúng tất ngóng gió mà tan chạy, gián hoặc chúng có chạy sang nước Xiêm, tức thì nên bắt giao cho quân thứ, đừng để cho kẻ bé tôi phản nghịch được trốn bùa riu".

(24). Phạm Nguyễn Du (1739-1787) kết luận sự sụp đổ là họ Nguyễn đã *siết cổ dân quá nặng để*

duy trì quân đội. Li Tana: *Xứ Đàng Trong. Lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nguyễn Nghị dịch, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1999, tr. 79. Xem thêm Nguyễn Mạnh Dũng: *Nhìn lại mô hình phát triển kinh tế - xã hội Đàng Trong thế kỷ XVI-XVIII*. Trong Trường Đại học KHXH&NV, Khoa Quốc tế (DHQGHN), Đại học Nantes, Angers, Maine (Pháp): *Đóng góp của Khoa học xã hội và nhân văn trong phát triển kinh tế - xã hội*. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế, Hà Nội, 8-9/4/2011.

(25). Xem Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam liệt truyện*, tập 1, tiền biên, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2005 (mục Truyện Nguyễn Cư Trinh); xem thêm Cao Tự Thanh, *Nho giáo ở Gia Định*. Nxb Văn hóa Sài Gòn, 2009, tr. 35.

(26), (49). Cao Tự Thanh. *Nho giáo ở Gia Định*. Nxb. Văn hóa Sài Gòn, 2009, tr. 37, 40-42.

(27). Năm tốt, năm xấu được đo bằng lượng thuyền đến Đàng Trong trong một năm. Li Tana: *Xứ Đàng Trong. Lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*. Sđd, tr. 134

(28). *Oeuvres complètes de P.Poivre. Intendant des Isles de France et de Bourbon, correspondant de l'académie des sciences, etc; Paris. 1797. Notice sur la vie de P.Poivre, Ancien intendant des Isles de France et de Bourbon*, in năm 1786; Li Tana: *Xứ Đàng Trong. Lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*. Sđd, tr. 70.

(29), (57). Li Tana: *Xứ Đàng Trong. Lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*. Sđd, tr. 82, 83.

(30). Nguyễn Hoài Vân: *Đại cương lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam - Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 150. Xem thêm Cao Tự Thanh: *Nho giáo ở Gia Định*. Nxb Văn hóa Sài Gòn, 2009, tr. 55.

(34), (52), (53), (55), (59). Lê Quý Đôn: *Phủ Biên tạp lục*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 82-83, 430, 433, 62, 430.

(35). Theo tác giả Trương Minh Đạt, Mạc Thiên Tứ (Tích) sinh năm 1718, năm mất là 1780. Xem Trương Minh Đạt: *Nghiên cứu Hà Tiên*, Nxb. Trẻ, Tạp chí Xưa và Nay, Tp. Hồ Chí Minh, 2008.

(37). Nguyễn Tuấn Anh: *Nam Bộ trong mối quan hệ giữa Chúa Nguyễn với Chấn Lạp và Xiêm*

từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX (trong cách nhìn của một số tác giả Campuchia), trong *Một số vấn đề lịch sử vùng đất Nam Bộ đến cuối thế kỷ XIX*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học, Tp. Hồ Chí Minh, 2006.

(38). Trần Thị Mai: *Vé công cuộc khai phá vùng đất Tâm Phong Long (Từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX)*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, tại Thanh Hóa, ngày 18-19/10/2008, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008.

(39). Sơn Nam, *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Đông Phố, Sài Gòn, 1973, tr. 36.

(40). Lê Hữu Phước: *Từ dinh Long Hồ đến dinh Vĩnh Trấn*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, tại Thanh Hóa, ngày 18-19/10/2008, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2008.

(41). Hà Tiên Trấn hiệp trấn Mạc thị gia phả. *Hà Tiên, Kiên Giang*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 43-47.

(42). Nhà nghiên cứu A.Reid cho rằng thế kỷ XVIII là thế kỷ của người Hoa (Chinese Century). Xem trong Anthony Reid, *Chinese Trade and Southeast Asian Economic Expansion in the Later Eighteenth and Early Nineteenth Centuries: An Overview*, trong *Water Frontier: Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750-1880*, sđd, pp. 21-34.

(43). Sự kiện 1757 còn cho thấy việc hoạch định đường biên giữa Chúa Nguyễn với thế lực Mạc Thiên Tứ, hay giữa Đông và Tây Water Frontier như nhiều học giả đã nói đến. Xem Yumio Sakurai, *Eighteenth-Century Chinese Pioneers on Water Frontier of Indochina*, sđd, p. 44.

(44). Sử chép: "khi ở Gia Định, cùng với Tổng binh Hà Tiên Mạc Thiên Tứ thường lấy thơ văn tặng nhau, có tập *Hà Tiên thập vịnh* lưu hành". Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 170-172. Toàn bộ sự nghiệp văn học gắn với tâm sự và chí khí kinh bang tế thế, gắn với cuộc đời hoạt động (Lê Quý Đôn).

(45). Xem thêm Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam liệt truyện*, tập 1, tiến biên, Nxb. Thuận

Hóa, Huế, 2006, tr. 162-167.

(46). Trương Minh Đạt: *Nghiên cứu Hà Tiên*, Nxb. Trẻ, Tạp chí Xưa và Nay, Tp. Hồ Chí Minh, 2008, tr. 202-206. Xem thêm: *Dòng họ Nguyễn Cư Trinh - Một thế gia vọng tộc ở Huế*, trong Hội thảo khoa học: *Danh nhân Nguyễn Cư Trinh với việc xác lập chủ quyền vùng đất An Giang và Nam Bộ giữa thế kỷ XVIII*, ngày 31-3-2011 tại An Giang.

(47). Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 178-179

(48). *Đại Nam thực lục* cho biết tình hình những năm 1758, 1759, 1760, 1761, 1762 đều không có diễn biến quân sự; riêng năm 1764: hoàng tử nhà Lê là Duy Mật sai người đến dinh Ai Lao cầu viện. Thư đại lược nói rằng: "Mật [Lê Duy Mật] thẹn mình là con vua, rất căm mỗi thù nước, nhưng thế yếu địch mạnh, nhiều lần khởi sự không xong... Vậy xin sớm định cơ nghi, chọn ngày tiến quân, cùng nhau ứng tiếp. Như thế thù giặc nước mới trừ xong, thù ta mới trả được, mà các tên liệt cũng rụng rỏ thêm". *Chúa không muốn gây hiểm khích nơi biên giới, nên hậu đãi người đưa thư, rồi cho về...*

Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 165-172

(50). Ở ý nghĩa khác, lần đầu tiên, lãnh thổ do người Việt cai quản đã tới tận Tây Water Frontier, tại đó đã đụng độ trực tiếp với thế lực Mạc Thiên Tứ. Yumio Sakurai, *Eighteenth-Century Chinese Pioneers on Water Frontier of Indochina*, sđd, p. 42

(51). Nhà nghiên cứu Sơn Nam viết "*Công lao sau cùng ấy, phần lớn là của Nguyễn Cư Trinh*". Sơn Nam: *Tìm hiểu đất Hậu Giang*, Nxb. Phù Sa, Sài Gòn, 1969, tr. 39.

(54). Christophoro Borri: *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr. 70.

(56). Xem thêm bài viết Hồ Trung Tú: *Bản sắc Quảng Nam từ góc nhìn phân kỳ lịch sử*, Tạp chí Xưa và Nay, số 342, tháng 10-2009.

(60). Tác giả xin trân trọng cảm ơn PGS.TS. Nguyễn Thừa Hỷ đã đọc và có những góp ý cho bài viết này.